

**TỔNG CÔNG TY  
HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: *M02* /TCTHK-VP  
V/v: Công bố thông tin theo  
NĐ 47/2021/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 03 tháng 8 năm 2022



Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư
- Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp

Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Tổng công ty Hàng không Việt Nam báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp các nội dung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 23 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP (Phụ lục II, Biểu số 3: Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021) theo Phụ lục đính kèm.

Tổng công ty Hàng không Việt Nam trân trọng báo cáo./.

**Nơi nhận:**

- Như trên (bản giấy);
- HĐQT (đề báo cáo);
- Ban TGD;
- Ban KS;
- TCKT, PC, VP;
- Lưu: VT, (TAMVM)

**TUQ TỔNG GIÁM ĐỐC  
NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ  
- THỦ KÝ TCT**



**Nguyễn Xuân Thủy**

**TỔNG CÔNG TY  
HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**  
MSDN: **0100107518**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 03. tháng 8 năm 2022

Số: *MQ* TCTHK-VP

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN  
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021**

**I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021**

1. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh - tài chính - đầu tư năm 2021 VNA đã thực hiện như sau:

**BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2021	Giá trị thực hiện 2021	TH 2021/ KH2021
1	2	3	4	5	6=5/4
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất				
a)	Hành khách vận chuyển	Triệu khách	12,65	6,13	48,4%
b)	Hành khách luân chuyển	Tỷ khách.km	10,09	5,14	51,0%
c)	Hàng hóa vận chuyển	Nghìn tấn	218,7	219,6	100,4%
d)	Hàng hóa luân chuyển	Triệu tấn.km	484,0	661,4	136,7%
e)	Tấn luân chuyển	Tỷ tấn.km	1,37	1,10	80,3%
2	Tổng doanh thu Hợp nhất	Tỷ đồng	37.364	29.752	79,63%
	<i>Trong đó: Công ty mẹ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>24.682</i>	<i>20.109</i>	<i>81,47%</i>
3	Lợi nhuận trước thuế Hợp nhất	Tỷ đồng	-14.304	-12.965	90,64%
	<i>Trong đó: Công ty mẹ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>-12.908</i>	<i>-11.833</i>	<i>91,67%</i>
4	Lợi nhuận sau thuế Hợp nhất	Tỷ đồng	-14.526	-13.279	91,42%
	<i>Trong đó: Công ty mẹ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>-12.908</i>	<i>-11.848</i>	<i>91,79%</i>

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2021	Giá trị thực hiện 2021	TH 2021/ KH2021
5	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước	Tỷ đồng	212	199,8	94,25%
6	Tổng số lao động	Người	5.172	4.201	90%
7	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	1.702,32	1.299,37	76%
a)	Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	9,66	8,02	83%
b)	Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	1.692,66	1.291,34	76%

*Ghi chú: Số liệu 2021 theo BCTC đã kiểm toán.*

## 2. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021

Trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến căng thẳng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động SXKD, TCTHK không ngừng tìm kiếm, tận dụng mọi cơ hội để tăng doanh thu, trong đó các giải pháp nổi bật là đẩy mạnh vận tải hàng hóa, bay hồi hương và chở khách chuyên gia. Từ khi dịch COVID - 19 bùng phát đến nay, TCTHK đã chuyển đổi cấu hình 9 tàu bay thân rộng, 8 tàu bay thân hẹp vốn dùng để chở khách thành các tàu bay chở hàng bằng cách tháo ghế hoặc bọc nylon ghế trên khoang khách, thực hiện trung bình 160 chuyến bay chở hàng/tuần tới nhiều nước trên thế giới, đem lại doanh thu khoảng 8.313 tỷ đồng.

Kết quả sản lượng vận chuyển hàng không năm 2021 cụ thể như sau:

+ Về sản lượng hành khách: Trong năm 2021, TCTHK đạt 6,13 triệu khách, bằng 48,4% KH năm (KH đã báo cáo ĐHCĐ) và bằng 43,4% so với năm 2020. Trong đó: thị trường quốc tế đạt 84,9 nghìn lượt khách, bằng 114,9% KH năm và bằng 5,6% so với năm 2020; thị trường nội địa đạt 6,04 triệu khách, bằng 48,1% KH năm và bằng 47,9% so với năm 2020.

+ Về sản lượng vận chuyển hàng hóa, bưu kiện: Sản lượng hàng hóa năm 2021 đạt 219,7 nghìn tấn, bằng 100,5% KH năm và bằng 112,5% so với năm 2020. Trong đó: vận chuyển quốc tế đạt 126,3 nghìn tấn, bằng 139,6% KH năm và 139,3% so với cùng kỳ năm 2020; vận chuyển nội địa đạt 93,4 nghìn tấn, bằng 72,9% KH năm và 89,3 % so với cùng kỳ năm 2020.

Trong năm 2021, TCTHK tiếp tục thực hiện các giải pháp điều hành linh hoạt theo diễn biến dịch bệnh và tình hình thị trường, tận dụng mọi cơ hội để tăng doanh thu, tiết kiệm, cắt giảm tối đa chi phí. Tuy nhiên, tình hình dịch bệnh covid-19 diễn biến phức tạp hơn nhiều so với dự báo, đặc biệt làn sóng dịch trong giai đoạn từ cuối

quí 3 khiến tình hình vận tải hành khách nội địa hầu như đình trệ và ảnh hưởng kéo dài đến hết năm. Cùng với đó, mặt bằng giá vé giảm mạnh do cạnh tranh và thừa tải cung ứng trên thị trường nội địa tiếp tục tác động đến doanh thu và lợi nhuận toàn thị trường. Tổng doanh thu năm 2021 của TCTHK đạt 20.533 tỷ đồng, bằng 61,7% so với năm 2020 và 27,5% so với năm 2019 (bằng 83,2% KH2021 ĐHĐCĐ thông qua). Kết quả SXKD năm 2021 của công ty mẹ ước tính lỗ trước thuế 11.846 tỷ đồng, tăng lỗ so với cùng kỳ 2020 là 3.103 tỷ đồng, tuy nhiên đã giảm lỗ khoảng 1.062 tỷ đồng so với KH trình ĐHĐCĐ; lỗ lũy kế tính đến cuối năm 2021 ước tính khoảng 18.883,3 tỷ đồng. Trong quý 3, TCT đã hoàn thành kịp thời việc phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần 7.961 tỷ đồng, giúp bổ sung nguồn vốn chủ sở hữu, đáp ứng qui định niêm yết trên sàn HOSE và cải thiện đáng kể các chỉ tiêu tài chính. Tuy nhiên, do tình hình SXKD tiếp tục lỗ trong quý 4, tại thời điểm cuối năm qui mô vốn chủ sở hữu công ty mẹ còn duy trì ở mức 5.261 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu hợp nhất ở mức 507 tỷ đồng.

Tình hình cân đối tiền tệ năm 2021 thường xuyên trong tình trạng khó khăn trước các ảnh hưởng của dịch Covid, đặc biệt là trong quý 3 khi hoạt động vận tải hành khách nội địa hầu như ngưng trệ, nhiều thời điểm TCT hầu như cạn kiệt trữ lượng tiền mặt và gặp khó khăn trong cân đối khả năng trả nợ vay để duy trì hoạt động liên tục. Tuy nhiên, trong quý 3/2021 TCT đã triển khai thành công gói hỗ trợ thanh khoản của Chính phủ, bao gồm việc ký kết hợp đồng vay tái cấp vốn 4.000 tỷ đồng và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần 7.961 tỷ đồng, giúp TCT có nguồn tài chính để đảm bảo thanh khoản, thanh toán một phần nợ quá hạn và cải thiện trữ lượng tiền. Tính đến 31/12/2021, TCT đã giải ngân toàn bộ 4.000 tỷ đồng từ gói vay tái cấp vốn và 5.687 tỷ đồng từ gói tăng vốn để thanh toán các nghĩa vụ nợ. Các khoản tiền được sử dụng đúng mục đích theo phương án vay tái cấp vốn và phương án phát hành cổ phiếu đã được phê duyệt đồng thời hỗ trợ tốt cho quá trình đàm phán giảm giá với các nhà cung cấp. Cuối năm 2021, TCT còn dự trữ tiền khoảng 2.689 tỷ đồng, dư nợ vay ngắn hạn và thấu chi tại các NHTM là 4.083 tỷ đồng, dư nợ vay NH Chính sách Xã hội 15 tỷ đồng (để thanh toán lương theo chính sách hỗ trợ của Nhà nước), dư nợ vay tái cấp vốn 4.000 tỷ đồng; nợ quá hạn giãn hoãn thanh toán khoảng 12.215 tỷ đồng.

## **II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.**

Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2021 của TCT đã được UBQLVNN thông qua với tổng vốn đầu tư tối đa không quá 421,8 tỷ đồng, gồm 321,8 tỷ đồng đầu tư tài sản và 100 tỷ đồng dự phòng đầu tư ra ngoài doanh nghiệp. Trước tình hình tài chính

đặc biệt khó khăn ảnh hưởng dịch bệnh ngày càng trầm trọng, TCT đã thực hiện rà soát và điều chỉnh giảm 140 tỷ đồng so với KHĐT 2021 đã được UBQLV thông qua, theo đó HĐQT đã phê duyệt Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2021 với tổng vốn đầu tư năm 2021 là 281,8 tỷ đồng. Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2021 đã được TCT triển khai tới các CQĐV theo đúng quy định hiện hành.

Tổng giá trị thực hiện đầu tư năm 2021 là 98,9 tỷ đồng; tương đương 35,1% KH giao; bằng 57,8% so với thực hiện năm trước. Trong năm 2021 TCT chỉ tập trung vốn đầu tư để triển khai 01 dự án trọng điểm (Dự án khu làm việc văn phòng kết hợp bồi dưỡng nghiệp vụ cán bộ hàng không tại 200 Nguyễn Sơn-Long Biên-Hà Nội giai đoạn 2, dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng trong tháng Q1/2021) và một số dự án nhỏ nhưng cấp thiết để phục vụ SXKD; bên cạnh đó còn giải ngân thanh toán cho một số dự án đã hoàn thành từ trước năm 2021 nhưng được đối tác giãn tiến độ thanh toán do ảnh hưởng của dịch bệnh.

Giá trị giải ngân đạt thấp do hoạt động SXKD năm 2021 vẫn đình trệ và căng thẳng dòng tiền do dịch bệnh nên TCTHK tiếp tục chủ động rà soát, cắt giảm, giãn tiến độ, chỉ tập trung vào các Dự án cần triển khai ngay phục vụ SXKD; cụ thể: Giãn tiến độ chuẩn bị đầu tư tất cả các dự án chưa thực sự cấp thiết cho SXKD (trong năm 2021 chỉ phê duyệt đầu tư 1/17 dự án chuẩn bị đầu tư ghi kế hoạch); đối với các Dự án thực hiện đầu tư, TCT tiếp tục chủ động đàm phán, yêu cầu sự hỗ trợ và chia sẻ từ các đối tác để giãn tiến độ thực hiện hợp đồng sang năm 2022 (dự án đang triển khai) hoặc giãn tiến độ thanh toán sau năm 2021 (dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng)

## **BẢNG SỐ 2: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP**

<b>TT</b>	<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Kế hoạch 2021</b>	<b>Giá trị thực hiện 2021</b>	<b>TH2021/KH2021</b>
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6=5/4</b>
1	Tổng kinh phí đầu tư	Tỷ đồng	281,8	98,9	35,1%

### **III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON.**

#### **1/ Vốn đầu tư:**

##### *1.1. Quy mô vốn đầu tư:*

- Tại thời điểm 31/12/2021, tổng giá trị vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp của TCT theo sổ cổ đông, chứng nhận góp vốn là 6.060,8 tỷ đồng, giảm 704,2 tỷ đồng so với năm 2020 do TCT thực hiện chuyển nhượng một phần vốn đầu tư tại K6,

tương ứng với 21 danh mục đầu tư, trong đó có 15 công ty con, 5 công ty liên kết và 1 danh mục đầu tư dài hạn khác (SPT).

- Tổng giá trị vốn đầu tư vào ngành nghề kinh doanh chính là 6.056,5 tỷ đồng, chiếm 99,9% tổng vốn đầu tư; tổng giá trị vốn đầu tư vào ngành nghề kinh doanh khác là 4,3 tỷ đồng, chiếm 0,1%.

### *1.2. Tình hình tăng giảm vốn đầu tư tại các doanh nghiệp:*

- Năm 2021, TCT không thực hiện góp vốn đầu tư mới vào doanh nghiệp khác. Thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần của TCT tại K6 với Nhà đầu tư nhận chuyển nhượng và các bản sửa đổi, TCT đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng phần vốn góp 35 triệu USD tại K6 - tương đương 35% VDL K6.

- Về việc triển khai thoái vốn SPT và APLACO

+ Đối với SPT: Trong năm 2020, do tình hình SXKD của công ty tiếp tục gặp khó khăn, giao dịch về cổ phiếu SPT trên thị trường rất ít, giá cổ phiếu và khối lượng giao dịch thấp nên việc thoái vốn đầu tư của TCT tại SPT chưa triển khai được.

+ Đối với APLACO: do việc bàn giao vốn nhà nước sang công ty CP APLACO vẫn chưa hoàn tất thủ tục nên trong năm 2021 việc thoái vốn đầu tư của TCT tại APLACO chưa triển khai được. Đến nay, TCT và APLACO đã giải quyết những tồn đọng liên quan đến việc bàn giao vốn nhà nước sang công ty cổ phần nên việc thoái vốn đầu tư của TCT tại APLACO sẽ tiếp tục được triển khai trong năm 2022.

## **2/ Tình hình SXKD của các doanh nghiệp có vốn góp năm 2021:**

### *2.1. Đánh giá chung:*

Năm 2021, dịch bệnh Covid-19 vẫn tiếp tục ảnh hưởng sâu rộng tới hoạt động SXKD của các doanh nghiệp có vốn góp của TCT. Với nhiều nỗ lực khắc phục khó khăn, chủ động, linh hoạt thực hiện các giải pháp trong quản lý, điều hành để khai thác mọi nguồn thu và triệt để tiết giảm chi phí, nhiều DN đã có kết quả kinh doanh tốt hơn so với năm trước như: VAECO, SKYPEC, VFT, SABRE, VALC, AIRIMEX; 03 doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực cung ứng dịch vụ hàng hóa tiếp tục tăng lợi nhuận và duy trì ở mức cao (TCS, TECS, NCTS), riêng VINAKO mặc dù thị trường không có nhiều thuận lợi như năm 2020, LNTT chỉ đạt 88% so với TH 2020 nhưng cũng đã tăng 96% so với TH 2019. Bên cạnh đó, một số DN có ngành nghề kinh doanh chịu ảnh hưởng trực tiếp từ sự suy giảm nghiêm trọng của hoạt động VTHK vẫn chưa cải thiện được kết quả kinh doanh, bị giảm lãi hoặc tăng lỗ so với thực hiện năm 2020, trong đó: các DN giảm LN: VIAGS, AITS,

ALSIMEXCO; các DN tăng lỗ: PA, NCS; ngoài ra có 02 DN năm trước có lãi nhưng năm nay phát sinh lỗ (VACS, NASCO).

**BẢNG SỐ 3: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NĂM CỔ PHẦN CHI PHỐI**

*ĐVT: triệu đồng*

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tổng vốn đầu tư của công ty mẹ	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế	Lợi nhuận nộp về công ty mẹ
<b>1 Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ</b>							
1.1	Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay (VAECO)	1.093.117	1.093.117	1.367.989	7.166	5.392	
1.2	Công ty TNHH MTV Nhiên liệu hàng không VN (SKYPEC)	800.000	800.000	9.822.988	101.113	79.810	63.873
1.3	Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không VN (VACS)	133.536	133.536	167.641	(53.976)	(53.976)	
1.4	Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay VN (VIAGS)	250.000	250.000	1.126.938	20.329	15.339	
<b>2 Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ</b>							
2.1	Công ty Cổ phần Hàng không Pacific (Airlines (PA))	3.522.081	2.424.948	1.136.551	(2.308.016)	(2.308.016)	
2.2	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài (NCTS)	261.669	144.254	751.064	281.018	223.612	119.731
2.3	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Tân Sơn Nhất (TCS)	93,726	51.549	1.118.084	671.665	537.137	259.085

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tổng vốn đầu tư của công ty mẹ	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế	Lợi nhuận nộp về công ty mẹ
<b>1 Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ</b>							
2.4	Công ty Cổ phần Dịch vụ Giao nhận hàng hoá Tân Sơn Nhất (TECS)	51,430	26,230	473.133	125.799	100.357	50.110
2.5	Công ty TNHH Giao nhận hàng hóa VINA KO	8,578	5.580	257.224	29.609	24.082	15.173
2.6	Công ty Cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài (NCS)	179,491	108.006	145.287	(76.823)	(76.823)	
2.7	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài (NASCO)	83,158	42.412	118.889	(80.814)	(80.889)	
2.8	Công ty Cổ phần Đào tạo Bay Việt (VFT)	66,000	34,000	56.736	9.679	7.038	3.455
2.9	Công ty Cổ phần Tin học viễn thông Hàng không (AITS)	58,032	30,600	278.824	6.093	4.739	
2.10	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lao động Hàng không (ALSIMEXCO)	10,000	5.100	107.582	39	6	
2.11	Cty CP Sabre Việt Nam	5.200	2.688	88.621	6.876	5.856	2.724